

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **51/2024/DS-PT**

Ngày 01-4-2024

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Nhum

Ông Bùi Thanh Thảo

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Bảo Yên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:** Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 26 tháng 3 và ngày 01 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 31/2023/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 55a/2024/QĐXXPT-DS ngày 06 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1951, (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1957, (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Huy N, sinh năm 1978, (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1985, (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1988, (có mặt)

4. Ông Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1988, (có mặt)

5. Bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1987, (có mặt)

6. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1958, (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 7, ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

7. Bà Nguyễn Thị Kim N1, sinh năm 1975, (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã Tân P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Xuân T – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hồng H – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, tỉnh Bình Phước

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Nguồn gốc thửa đất 16, tờ bản đồ số 41, diện tích 2.351m², ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước của hộ bà Nguyễn Thị T có được là do vào ngày 20/4/1992 bà Nguyễn Thị T đã nhận chuyển nhượng của ông Mai Văn T2, cư trú tại: Tổ 8, ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước 01 thửa đất và 01 căn nhà trên đất. Vị trí thửa đất cụ thể: Phía tây giáp quốc lộ 13 rộng 14m, phía Đông giáp lô đất cao su, phía Nam giáp đất hộ ông Nguyễn Tiến D, bà Nguyễn Thị P phía Bắc giáp đất ông hộ ông Phạm Ngọc T3. Đến tháng 10 năm 1995 gia đình bà Nguyễn Thị T tiếp tục nhận chuyển nhượng của ông Phạm Ngọc T3 một thửa đất có vị trí giáp ranh phía Bắc thửa đất gia đình tôi có tứ cạnh chiều rộng phía trước giáp quốc lộ 13 là 10m, chiều dài giáp đất lô cao su công ty B. Việc nhận chuyển nhượng hai bên được lập giấy tay có xác nhận của ban ấp. Sau đó gia đình bà hộ bà Nguyễn Thị T đã đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Ngày 04 tháng 5 năm 1999, cán bộ đo đạc gồm những người đại diện ban ấp, các hộ ranh đất liền kề tiến hành khảo sát xác định ranh giới đất mốc giới đối với thửa đất của gia đình bà T. Sơ đồ địa chính thể hiện đất của gia đình bà T như sau: Cạnh phía bắc dài 118m, giáp đất hộ bà Võ Thị K. Cạnh phía nam dài (71,2m, 19,4m, 43,1m) giáp đất hộ ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị P. Cạnh phía tây rộng 24m giáp quốc lộ 13 và cạnh phía nam giáp thửa đất của gia đình ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị P dài 119,4m. Cạnh phía đông rộng 14,4m. Đến năm 1999 khi Nhà nước tiến hành đo đạc cấp sổ đỏ cho toàn dân trong ấp, sau đó cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00203 thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ 41, diện tích 2.578m² chiều ngang Quốc lộ 13 là 24,4m. Chiều ngang phía sau sau đuôi đất giáp lô cao su là 14,2m. Chiều dài thửa đất là 118m, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Đến năm 2009 nhà nước cấp đổi sổ mới và cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 0122 thửa đất số 16, tờ bản đồ số 41, diện tích 2.351m², chiều ngang giáp quốc lộ 13 là 22m. Chiều ngang phía đuôi đất là 12,2m, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. So sánh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T vào năm 1999 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2009, thì phần đất của hộ bà Nguyễn Thị T giáp quốc lộ 13 bị giảm xuống 2m, phía sau phần đuôi đất bị giảm xuống 2m. Tổng diện tích đất bị giảm xuống (bị lấn

chiếm) là 227m. Việc bị giảm sút diện tích đất (bị lấn chiếm) là do khi tiến hành đo đạc không chỉ ranh mốc mà cơ quan đo đạc Nhà nước tự đo nên bà hộ bà T bị lấn chiếm đất mà không biết. Vào ngày 02/10/2020 bà T có nhờ công ty đo đạc T, tiến hành đo đạc lại sổ đất năm 2009 thì phát hiện đất bị thiếu 126,4m². Trong đó ông Phạm Hồng T4 lấn chiếm 3m², ông Nguyễn Tiến D lấn chiếm 110m², ông Trần Văn U lấn chiếm 13,4m². Như vậy đất hộ bà Nguyễn Thị T năm 1999 bị mất (lấn chiếm) diện tích đất 227m² và năm 2009 bị mất (lấn chiếm) diện tích đất 126,4m². Như vậy trừ đi diện tích ông Phạm Hồng T4 lấn chiếm 3m², ông Trần Văn U lấn chiếm 13,4m². Hộ ông Nguyễn Tiến D đã lấn chiếm của bà Nguyễn Thị T 337m². Vì vậy bà Nguyễn Thị T yêu cầu hộ ông Nguyễn Tiến D trả lại diện tích đất lấn chiếm của bà T diện tích đất 337m² (trong đó chiều rộng giáp quốc lộ 13 là 2m, chiều rộng phía đuôi đất là 2m và chiều dài là 118m) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 0122 thửa đất số 16, tờ bản đồ số 41, diện tích 2.351m², chiều ngang hướng quốc lộ 13 là 22m. Chiều ngang phía đuôi đất là 12,2m, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00203 thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ 41, diện tích 2.578m² chiều ngang quốc lộ 13 là 24,4m. Chiều ngang phía đuôi là 14,2m và chiều dài 118m, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Bà Nguyễn Thị T không đồng ý theo yêu cầu tố của bị đơn ông Nguyễn Tiến D về việc phía bị đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H công nhận diện tích đất 82m² theo mảnh trích đo địa chính cho phía bị đơn ông Nguyễn Tiến D theo hiện trạng thực tế ranh giới, cột mốc và hàng rào hiện hữu hiện mà phía bị đơn ông Nguyễn Tiến D đang sử dụng so với ranh đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng được cấp cho hộ bà Nguyễn Tiến D là thửa đất số 93, tờ bản đồ số 41, diện tích 1.823,5m² và thửa đất số 94, diện tích 1.580m², tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước với những lý do sau phía bị đơn không đưa ra chứng cứ tranh chấp quyền sử dụng đất, bản gốc ban đầu và các lần biến động theo quy định tại Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự. Phía bị đơn không đảm bảo thủ tục mua bán đất, chỉ nói chung chung không có chứng từ mua bán đất, không đủ điều kiện để phản tố vụ án. Hàng rào phía bị đơn luôn di dời.

Bị đơn ông Nguyễn Tiến D trình bày:

Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 41 có diện tích 1.823,5m² và thửa đất số 94, tờ bản đồ số 41 có diện tích 1.580m², tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước có nguồn gốc từ việc ông D nhận chuyển nhượng của ông Ba M (hiện nay đã chết) vào năm 1986. Khi ông D nhận chuyển nhượng trên đất có 03 gian nhà làm gỗ lợp tranh, trên đất có trồng điều, trồng mít đã được thu hoạch và cây lâu năm. Ranh giới của 02 thửa đất có hàng rào là cổ định là cây lục, cột sắt và cây anh đào đã lớn giăng kèm gai. Thời điểm ông D nhận chuyển nhượng chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng hộ liền kề giáp ranh đất ông D xác nhận hàng rào là đúng và có đại diện ấp và ban ấp quản lý ruộng đất xác nhận. Đến năm 1991, địa phương và ban quản lý ruộng đất xã T, huyện B, tỉnh Sông Bé cho làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu nộp các giấy tờ liên quan khi mua đất để cấp giấy mới từ đó đến giờ tách tỉnh rồi tách huyện thay đổi địa giới và đổi sổ gia đình ông Nguyễn Tiến D sống ổn định trên thửa đất không ai tranh chấp. Khi ông D sửa nhà thì đã làm hàng rào khoảng nửa mét, khi nhà nước nâng cấp sửa đường Quốc lộ 13 thì hộ bà Nguyễn Thị T phá hàng rào và xây dựng lại một nửa và sửa lại hàng rào phía sau kiên cố hơn bằng lưới B40 và kẽm

gai, thời gian sau bà T đổ đất nâng nền đất cao làm bức tường móng đã ngã vào bên hông nhà ông D và lấn luôn hàng rào của ông D để làm vì nhà ông D xây dựng ở thế thấp trũng. Đến năm 2020 bà T làm đơn kiến nghị ra xã T với lý do ông D lấn chiếm đất của bà T, bà T căn cứ vào bản vẽ do công ty tư nhân thực hiện không do ông D ký giáp ranh để yêu cầu chính quyền giải quyết buộc ông D trả đất lấn chiếm ông D không đồng ý. Nay bà T tiếp yêu cầu buộc ông D trả diện tích đất 337m² ông D không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà T vì ông D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng ổn định hơn 37 năm. Gia đình bà T về sinh sống và sử dụng thửa đất trên sau gia đình ông D đến 9 đến 10 năm. Các chủ sử dụng đất liền kề ranh đất ông D cũng đến xây dựng nhà, quản lý sử dụng đất sau ông D từ 3 đến 4 năm. Do thửa đất của hộ gia đình ông D đã có nguồn gốc, khai thác sử dụng ổn định hơn 37 năm nay. Khi phát hiện diện tích đất theo ranh theo hiện trạng thực tế có diện tích tăng lên so với ranh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông D đã có yêu cầu tố đối với nguyên đơn. Bị đơn ông Nguyễn Tiến D đã căn cứ vào hiện trạng sử dụng, ranh giới, cột mốc và hàng rào thực tế giữa thửa đất Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 41, diện tích 1.823,5m² và thửa đất số 94, tờ bản đồ số 41 diện tích 1.580m², cùng tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước của ông D với thửa đất giáp ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 41, diện tích 2.351m², tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước của hộ bà Nguyễn Thị T và mảnh trích đo địa chính ngày 04 tháng 01 năm 2023 do Công ty TNHH –MTV đo đạc bản đồ T thực hiện được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước kiểm định thì diện tích đất thực tế theo hiện trạng tăng 82m² so với ranh đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng được cấp. Nên bị đơn ông Nguyễn Tiến D yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn để yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H giải quyết công nhận diện tích thực tế 82m² cho phía bị đơn theo ranh giới, cột mốc và hàng thực tế hiện nay gia đình phía bị đơn đang sử dụng so với ranh đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng được cấp.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Nguyễn Tuấn A, ông Nguyễn Huy N, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Kim N1 thống nhất theo trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T cụ thể như sau:

Nguồn gốc thửa đất 16, tờ bản đồ số 41, diện tích 2.351m², ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước của hộ bà Nguyễn Thị T có được là gia đình chúng tôi đã nhận chuyển nhượng cụ thể như sau: Ngày 20/4/1992 gia đình tôi đã nhận chuyển nhượng của ông Mai Văn T2, cư trú tại Tổ 8, ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước một thửa đất và 01 căn nhà trên đất. Vị trí thửa đất: Phía Tây giáp quốc lộ 13 rộng 14m, phía Đông giáp lô đất cao su, phía Nam giáp đất hộ ông Nguyễn Tiến D, bà Nguyễn Thị P phía Bắc giáp đất ông hộ ông Phạm Ngọc T3. Tháng 10 năm 1995 gia đình bà T tiếp tục nhận chuyển nhượng của ông Phạm Ngọc T3 một thửa đất có vị trí giáp ranh phía bắc thửa đất gia đình tôi có tứ cạnh chiều rộng phía trước giáp quốc lộ 13 là 10m, chiều dài đất lô cao su công ty B. Việc chuyển nhượng bằng việc giấy tay có xác nhận của ban ấp. Sau đó gia đình chúng tôi đã đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân xã T. Ngày 04 tháng 5 năm 1999 những cán bộ đo đạc gồm những người đại diện ban ấp, các hộ ranh đất liền kề tiến hành khảo sát xác định ranh giới đất mốc giới đối với thửa đất của gia đình tôi, sơ đồ địa chính thể hiện đất của gia đình chúng tôi như sau: Vào năm 1999 khi Nhà nước tiến hành đo đạc cấp sổ đỏ cho toàn dân trong ấp, sau đó cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số 00203 thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ 41, diện tích 2.578m² chiều ngang quốc lộ 13 là 24,4m. Chiều ngang phía sau đuôi đất là 14,2m. Chiều dài thửa đất là 118m, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Đến năm 2009 Nhà nước cấp đổi sổ mới và cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 0122 thửa đất số 16, tờ bản đồ số 41, diện tích 2351 m², chiều ngang hướng quốc lộ 13 là 22m. Chiều ngang phía đuôi đất là 12,2m, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. So sánh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T vào năm 1999 và năm 2009, thì phần đất của hộ bà Nguyễn Thị T giáp quốc lộ 13 bị giảm xuống 2m, phía sau phần đuôi đất bị giảm xuống 2m. Tổng diện tích đất bị giảm xuống (bị lấn chiếm) là 227m. Việc bị giảm sút diện tích đất (bị lấn chiếm) là do khi tiến hành đo đạc không chỉ ranh mốc mà cơ quan đo đạc nhà nước tự đo nên bà hộ bà T bị lấn chiếm đất mà không biết. Vào ngày 02/10/2020 chúng tôi có nhờ công ty đo đạc T, tiến hành đo đạc lại sổ đất năm 2009 thì phát hiện đất bị thiếu 126,4m². Trong đó ông Phạm Hồng T4 lấn chiếm 3m², ông Nguyễn Tiến D lấn chiếm 110m², ông Trần Văn U lấn chiếm 13,4m². Như vậy đất hộ bà Nguyễn Thị T năm 1999 bị lấn chiếm 227m², năm 2009 bị lấn chiếm 126,4m². Như vậy trừ đi diện tích ông Phạm Hồng T4 lấn chiếm 3m², ông Trần Văn U lấn chiếm 13,4m². Hộ ông Nguyễn Tiến D đã lấn chiếm của hộ gia đình chúng tôi 337m². Vì vậy ông Nguyễn Tuấn A, ông Nguyễn Huy N, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Kim N1 thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T yêu cầu hộ ông Nguyễn Tiến D trả lại diện tích đất lấn chiếm của bà T diện tích đất 337m² (trong đó chiều rộng giáp quốc lộ 13 là 2m, chiều rộng phía đuôi đất là 2m và chiều dài là 118m) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 0122 thửa đất số 16, tờ bản đồ số 41, diện tích 2.351m², chiều ngang hướng quốc lộ 13 là 22m. Chiều ngang phía đuôi đất là 12,2m, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00203 thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ 41, diện tích 2.578m² chiều ngang quốc lộ 13 là 24,4m. Chiều ngang phía đuôi là 14,2m và chiều dài 118m, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước, đồng thời các ông bà Nguyễn Tuấn A, ông Nguyễn Huy N, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Kim N1 thống nhất theo ý kiến nguyên đơn không đồng ý yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Tiến D về việc ông D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H công nhận diện tích đất cho phía bị đơn ông Nguyễn Tiến D theo hiện trạng thực tế ranh giới, cột mốc và hàng rào hiện hữu hiện nay phía bị đơn ông Nguyễn Tiến D đang sử dụng 82m² theo mảnh trích đo địa chính so với ranh đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng được cấp cho hộ ông Nguyễn Tiến D là thửa đất số 93, tờ bản đồ số 41 diện tích 1.823,5m² và thửa đất số 94, tờ bản đồ số 41 diện tích 1.580m², tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Ngọc N, ông Nguyễn Tiến D thống nhất theo lời trình bày của bị đơn cụ thể như sau:*

Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 41, diện tích 1.823,5m² và thửa đất số 94, tờ bản đồ số 41 diện tích 1.580m², cùng tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước có nguồn gốc từ việc cha và chồng chúng tôi là ông Nguyễn Tiến D nhận chuyển nhượng của ông Ba M (hiện nay đã chết) vào năm 1986. Khi phía gia đình chúng tôi nhận chuyển nhượng trên đất có 03 gian nhà làm gỗ lợp tranh, trên đất có cây điều, mít đã được thu hoạch và cây lâu năm. Ranh giới thửa đất cố định là cây lục, cột sắt và cây anh đào đã lớn giăng kèm gai. Gia đình chúng tôi đã quản lý sử dụng ổn định

từ năm 1986 đến nay và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 03/9/2009. Hiện nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Tiến D để yêu cầu Tòa án giải quyết trả buộc ông Nguyễn Tiến D trả cho bà Nguyễn Thị T diện tích đất 337m² trong thửa đất số 16, tờ bản đồ số 41, diện tích 2.351m², tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T chúng tôi thống nhất theo ý kiến của bị đơn đơn ông Nguyễn Tiến D không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà T và giải quyết theo quy định pháp luật. Ngoài ra chúng tôi thống nhất theo yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Tiến D đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị T để Tòa án nhân dân huyện H giải quyết công nhận diện tích thực tế 82m² cho phía bị đơn ông Nguyễn Tiến D theo ranh giới, cột mốc và hàng thực tế hiện nay gia đình chúng tôi đang sử dụng so với ranh đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng được cấp.

- Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

Do hiện nay Chi nhánh văn phòng đăng ký huyện H chưa tìm thấy hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông Nguyễn Tiến D nên Ủy ban nhân huyện không có sở cho ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Tiến D. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện H căn cứ vào hồ sơ tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án để giải quyết đúng theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2023/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

“1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với yêu cầu buộc bị đơn ông Nguyễn Tiến D phải trả lại diện tích đất 337m² có tứ cận: Phía tây giáp đường Quốc lộ 13; Phía đông giáp đất cao su công ty Cao su B; Phía nam giáp thửa đất số 93 và thửa số 94; Phía bắc giáp thửa đất số 16, tọa lạc tại: Chà Là, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước (Theo mảnh trích đo địa chính ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Công ty TNHH –MTV đo đạc bản đồ T).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Tiến D công nhận diện tích đất 82m² theo hiện trạng thực tế nằm trong diện tích đất 2351m² thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T cho bị đơn ông Nguyễn Tiến D có tứ cận như sau: Phía tây giáp thửa đất 16, thửa 93; Phía đông giáp đất cao su công ty Cao su B; Phía nam giáp thửa đất số 93 và thửa đất số 94; Phía bắc giáp thửa đất số 16, tọa lạc tại: Chà Là, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước (Kèm theo mảnh trích đo địa chính ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Công ty TNHH –MTV đo đạc bản đồ T).

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước đăng ký biến động để cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị T và hộ ông Nguyễn Tiến D đúng theo hiện trạng sử dụng được quy định tại khoản 4 Điều 95 Luật đất đai năm 2013...;

Ngoài ra còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 06/9/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét giải quyết: Buộc bị đơn ông Nguyễn Tiến D trả lại diện tích đất 227m² trong thửa đất số 16, tờ bản đồ số 41, có diện tích 2.578m², tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước do UBND huyện Bình Long đã cấp cho bà Nguyễn Thị T ngày 16/12/1999; Buộc bị đơn Nguyễn Tiến D trả diện tích đất 82m² trong thửa đất số 16, tờ bản đồ số 41, có diện tích 2.351m² tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước do UBND huyện Bình Long đã cấp cho bà Nguyễn Thị T ngày 12/02/2009; Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn. Sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà T; Công nhận phần diện tích đất 30,7m² theo hiện trạng thực tế nằm trong diện tích đất 1.823,5m² thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ ông Nguyễn Tiến D (Kèm theo mảnh trích đo địa chính ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Công ty TNHH – MTV đo đạc bản đồ T) cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Tiến D. Công nhận diện tích đất 51,3m² theo hiện trạng thực tế nằm trong diện tích đất 2.351m² thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T (Kèm theo mảnh trích đo địa chính ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Công ty TNHH – MTV đo đạc bản đồ T).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T được nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm, vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh

Bình Phước thụ lý và giải quyết phúc thẩm vụ án là đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T thấy rằng:

[2.1] Nguồn gốc diện tích đất 2.351m² thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T có được là do ngày 20/4/1992 bà T đã nhận chuyển nhượng ông Mai Văn T2, cư trú tại Tổ 8, ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Thửa đất có vị trí: Phía Tây giáp quốc lộ 13 rộng 14m, phía Đông giáp lô đất cao su, phía Nam giáp đất hộ ông Nguyễn Tiến D, bà Nguyễn Thị P phía Bắc giáp đất ông hộ ông Phạm Ngọc T3;

Tháng 10 năm 1995 bà T tiếp tục nhận chuyển nhượng của ông Phạm Ngọc T3 một thửa đất có vị trí giáp ranh phía Bắc thửa đất gia đình bà T có tứ cạnh chiều rộng phía trước giáp Quốc lộ 13 là 10m, chiều dài giáp đất lô cao su của Công ty Cao su B. Đến năm 1999, hộ bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00203 thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ 41, diện tích 2.578m² chiều ngang quốc lộ 13 là 24,4m. Chiều ngang phía đuôi là 14,2m. Chiều dài 118m, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ bà T;

Năm 2009 hộ bà T được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 0122 thửa đất số 16, tờ bản đồ số 41, diện tích giảm từ 2.578m² xuống còn 2.351m², chiều ngang hướng Quốc lộ 13 dài 22m. Chiều ngang phía đuôi đất dài 12,2m, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

[2.2] Về nguồn gốc thửa đất diện tích 1.823,5m² thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 41 và thửa đất số 94, tờ bản đồ số 41 diện tích 1.580m² tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ ông Nguyễn Tiến D do ông D nhận chuyển nhượng của ông Ba M (hiện nay đã chết) vào năm 1986 và sử dụng ổn định liên tục cho đến nay. Trước khi bà T nhận chuyển nhượng hai thửa đất trên của ông Mai Văn T2 và ông Phạm Ngọc T3 thì phần giáp ranh của hai thửa đất đã có ranh giới, mốc giới ổn định và được nguyên đơn, bị đơn thừa nhận, đồng thời điều này cũng được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận.

Hiện nay ranh giới hai thửa đất được xác định cụ thể như sau: Tính từ mép đường Quốc lộ 13 đến hiên nhà có chiều dài 9,4m được xây dựng bằng gạch có chiều cao 1,4m được bị đơn ông D xây dựng năm 2000. Hàng rào tính từ điểm cuối (9,4m) hiên nhà ông D đến hết căn nhà ông D và nền móng phía thửa đất bà T có chiều dài 16,6m, nền móng phía thửa đất bà T có chiều cao 0,85m phía trên do bà T xây dựng. Hàng rào tính từ mép cuối đoạn (16,6m) tính từ nhà vệ sinh của ông D đến điểm đầu của hàng rào lưới B40 có chiều dài 15m giáp nền móng bà T cao 0,85m được làm bằng gạch không tô. Hàng rào điểm đầu là lưới B40 và dây kẽm gai, cột gỗ tính từ điểm cuối của hàng rào xây bằng gạch không tô (15m) dài đến phần cuối đất giáp lô cao su của Công ty Cao su B sử dụng ổn định không xê dịch. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 được công nhận là sự thật và không phải chứng minh.

[2.3] Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, trên phần diện tích đất đang tranh chấp ranh giới giữa 02 bên đương sự được thể hiện rất rõ (có chụp hình ảnh kèm theo hồ sơ), bao gồm những tài sản như sau:

- 01 căn nhà cấp 4 kết cấu tường gạch, mặt tường, phía ngoài không tô, mái lợp tôn, cửa tôn, phía trước có cửa sắt và kính, có chiều dài mặt tường giáp ranh đất bà T dài 16m, chiều rộng phía trước căn nhà 08m x 06m, chiều rộng phía sau 03m;

- 01 căn nhà tắm có gạch tường rộng 2,5m x dài 2,5m do ông D xây dựng vào năm 2007.

- 08 cây xoan đào do ông D trồng có kích thước cụ thể (số thứ tự cây được đánh từ giáp mặt đường Quốc lộ 13 đến cuối hàng rào): cây 01 có chu vi là 155cm; cây 02 có chu vi là 178cm; cây 03 có chu vi là 140cm; cây 04 có chu vi là 60cm 9 đã bị khô); cây 05 có chu vi là 90cm; cây 06 có chu vi là 130cm; cây 07 có chu vi là 140cm; cây 08 có chu vi là 120cm;

- 33 trụ xi măng mới trồng vào năm 2022-2023;

- 21 trụ xi măng cũ trồng năm 2000.

Điều này được chính nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thừa nhận;

Bà T khẳng định nguồn gốc thửa đất của hộ bà T được nhận chuyển nhượng lại sau của người khác và khi nhận chuyển nhượng đã có hàng rào, mốc giới cụ thể được sử dụng làm ranh giới của hai thửa đất. Như vậy Hội đồng xét xử đủ căn cứ để xác định từ trước tới nay ranh giới, mốc giới giữa hai thửa đất được sử dụng ổn định, không bị xê dịch, trong quá trình sử dụng diện tích đất 337m² đã được phía bị đơn ông D làm hàng rào, xây dựng nhà đồng thời sử dụng ổn định.

Đối với diện tích đất 51,3m² theo mảnh trích đo địa chính năm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.351m² thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T được phía bị đơn sử dụng ổn định hơn 37 năm khi nhận chuyển nhượng và sử dụng, quản lý đất hộ bà Nguyễn Thị T không có ý kiến hay phản đối gì. Như vậy, diện tích đất 51,3m² này cần được công nhận thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ ông Nguyễn Tiến D là phù hợp.

Căn cứ vào bản trích đo địa chính ngày 04/01/2023 của Công ty TNHH –MTV đo đạc bản đồ T thể hiện:

Phần đầu của thửa đất đang tranh chấp từ điểm 30 đến điểm 34 có một phần diện tích 30,7m² (thể hiện theo đường nét đứt là đo theo sổ) phần diện tích đất này đang do bà T quản lý, sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông D.

Như vậy do ông D đề nghị công nhận theo ranh hiện trạng thực tế là: 82m² - 30,7m² = 51,3m² nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố công nhận diện tích 82m² (bao gồm cả phần theo ranh Giấy chứng nhận QSD đất 30,7m²) là chưa chính xác. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần nội dung này cho phù hợp là có căn cứ.

[2.4] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Tiến D:

Mặc dù, phía bị đơn ông D phản tố đề nghị công nhận diện tích 82m², tuy nhiên như đã phân tích tại mục [2.3], theo sơ đồ đo đạc thì hiện trạng thực tế chỉ có 51,3m² đất nằm trong diện tích đất 2.351m² thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ bà T được phía bị đơn ông D sử dụng ổn định, lâu dài, còn 30,7m² hiện bà T đang quản lý sử dụng nên yêu cầu phản tố của bị đơn chỉ được chấp nhận một phần.

Từ những nhận định nêu trên, HĐXX cấp phúc thẩm xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 31/2023/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà T; Công nhận phần diện tích đất 30,7m² theo hiện trạng thực tế nằm trong diện tích đất 1.823,5m² thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ ông Nguyễn Tiến D (Kèm theo mảnh trích đo địa chính ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Công ty TNHH –MTV đo đạc bản đồ T) cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Tiến D. Công nhận diện tích đất 51,3m² theo hiện trạng thực tế nằm trong diện tích đất 2.351m² thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T (Kèm theo mảnh trích đo địa chính ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Công ty TNHH –MTV đo đạc bản đồ T).

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm d Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T được miễn án phí. Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước trả lại bà Nguyễn Thị T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 923621 ngày 05 tháng 21 năm 2021.

Bị đơn ông Nguyễn Tiến D không phải chịu án phí nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước trả cho ông Nguyễn Tiến D số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005224 ngày 21 tháng 7 năm 2023.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà T được chấp nhận một phần nên bà T không phải chịu.

[6] Chi phí tố tụng khác tại cấp phúc thẩm: Chi phí xem xét thẩm định là 5.000.000đồng. Buộc ông Nguyễn Tiến D phải chịu. Do bà T đã nộp tạm ứng nên ông D có nghĩa vụ trả lại số tiền 5.000.000đồng này cho bà T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 31/2023/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước. Cụ thể:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 71, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 265, Điều 266 Bộ luật dân sự 2005;

Áp dụng các Điều 175, Điều 176; khoản 1 Điều 579 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 105 luật đất đai năm 2003;

Áp dụng Khoản 1 Điều 26, khoản 4 Điều 95, khoản 5 Điều 166, khoản 1 Điều 170, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với yêu cầu buộc bị đơn ông Nguyễn Tiến D phải trả lại diện tích đất 337m² có tư cận: Phía tây giáp đường Quốc lộ 13; Phía đông giáp đất cao su công ty Cao su B; Phía nam giáp thửa đất số 93 và thửa số 94; Phía bắc giáp thửa đất số 16, tọa lạc tại: Chà Là, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước (Theo mảnh trích đo địa chính ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Công ty TNHH –MTV đo đạc bản đồ T);

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T: Công nhận phần diện tích đất 30,7m² theo hiện trạng thực tế nằm trong diện tích đất 1.823,5m² thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ ông Nguyễn Tiến D (Kèm theo mảnh trích đo địa chính ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Công ty TNHH –MTV đo đạc bản đồ T) cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Tiến D công nhận diện tích đất 51,3m² theo hiện trạng thực tế nằm trong diện tích đất 2.351m² thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T cho bị đơn ông Nguyễn Tiến D (Kèm theo mảnh trích đo địa chính ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Công ty TNHH –MTV đo đạc bản đồ T).

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước đăng ký biến động để cấp đổi, điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị T và hộ ông Nguyễn Tiến D đúng theo hiện trạng sử dụng được quy định tại khoản 4 Điều 95 Luật đất đai năm 2013.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T được miễn. Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước trả lại bà Nguyễn Thị T 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 923621 ngày 05 tháng 21 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Ông Nguyễn Tiến D không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước trả cho ông Nguyễn Tiến D số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0005224 ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

5. Về chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu 4.000.000đ (bốn triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản được khấu trừ vào số tiền chi phí tạm ứng đã nộp 4.000.000 (bốn triệu đồng). Bà T đã nộp đủ.

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu 17.150.000đ (mười bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) chi phí trích đo địa chính được khấu trừ vào số tiền chi phí đã nộp 17.150.000đ (mười bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Bà T đã nộp đủ.

6. Về chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm:

Ông Nguyễn Tiến D phải chịu 5.000.000đ (năm triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Bà T đã nộp tạm ứng nên ông D có nghĩa vụ trả lại cho bà T số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T không phải chịu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện H;
- Chi cục THA DS huyện H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, TDS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Hạnh